

## **THÔNG BÁO**

### **Kế hoạch tốt nghiệp trình độ đại học tháng 12 năm 2026**

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-ĐHDT ngày 07/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kế hoạch năm học 2026-2027;

Giám đốc Đại học Duy Tân thông báo Kế hoạch tốt nghiệp tháng 12 năm 2026 trình độ đại học hệ chính quy như sau:

#### **1. LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN THAM GIA TỐT NGHIỆP**

##### **1.1. Lịch trình thực hiện**

###### **1.1.1. Đối với Kỹ sư, Kiến trúc sư**

- Lập kế hoạch thực hiện ĐATN và nộp về Ban Đào tạo trước ngày **04/9/2026**. Kế hoạch bao gồm những nội dung sau: Mục đích và yêu cầu; Trách nhiệm của Khoa; Trách nhiệm của Giảng viên hướng dẫn; Trách nhiệm của Sinh viên; Quy định về hình thức, nội dung, trọng số đánh giá; Quy định về học phần tiên quyết.

- Xét điều kiện làm ĐATN: **05/9/2026**.

- Lập danh sách đội ngũ giảng viên hướng dẫn với đầy đủ thông tin về số lượng sinh viên do từng giảng viên hướng dẫn và nộp về Ban Đào tạo để trình Giám đốc quyết định trước **07/9/2026**.

- Thực hiện ĐATN: từ **07/9/2026 đến 19/12/2026**.

- Bảo vệ ĐATN từ **20/12/2026 đến 23/12/2026**.

- Nộp điểm về Ban Đào tạo chậm nhất đến ngày **24/12/2026**.

###### **1.1.2. Đối với bác sĩ và các ngành thực hiện TTTN và KLTN/ĐATN/Thi tốt nghiệp**

###### **a. Đối với TTTN**

- Lập kế hoạch thực hiện Thực tế tốt nghiệp (TTTN) và nộp về Ban Đào tạo trước ngày **04/9/2026**. Kế hoạch bao gồm những nội dung sau: Mục đích và yêu cầu; Trách nhiệm của Khoa; Trách nhiệm của Giảng viên hướng dẫn; Trách nhiệm của Sinh viên; Quy định về hình thức, nội dung, trọng số đánh giá; Quy định về học phần tiên quyết.

- Xét điều kiện làm TTTN: **05/9/2026**.

- Lập danh sách đội ngũ giảng viên hướng dẫn với đầy đủ thông tin về số lượng sinh viên do từng giảng viên hướng dẫn và nộp về Ban Đào tạo để trình Giám đốc quyết định trước **07/9/2026**.

- Thực hiện TTTN: từ 07/9/2026 đến 17/10/2026.
- Bảo vệ TTTN từ 18/10/2026 đến 21/10/2026.
- Nộp điểm về Ban Đào tạo chậm nhất đến ngày 22/10/2026.

#### **b. Đối với KLTN/ĐATN**

- Lập kế hoạch thực hiện KLTN/ĐATN và nộp về Ban Đào tạo trước ngày 18/9/2026. Kế hoạch bao gồm những nội dung sau: Mục đích và yêu cầu; Trách nhiệm của Khoa; Trách nhiệm của Giảng viên hướng dẫn; Trách nhiệm của Sinh viên; Quy định về hình thức, nội dung, trọng số đánh giá; Quy định về học phần tiên quyết.

- Xét điều kiện KLTN/ĐATN: 23/9/2026.

- Lập danh sách đội ngũ giảng viên hướng dẫn với đầy đủ thông tin về số lượng sinh viên do từng giảng viên hướng dẫn và nộp về Ban Đào tạo để trình Giám đốc quyết định trước 25/9/2026.

- Thực hiện ĐATN: từ 28/9/2026 đến 19/12/2026.

- Bảo vệ ĐATN từ 20/12/2026 đến 23/12/2026.

- Nộp điểm về Ban Đào tạo chậm nhất đến ngày 24/12/2026.

#### **c. Đối với Thi tốt nghiệp**

- Sinh viên sẽ học và thi một hoặc một số học phần Thi tốt nghiệp, mỗi học phần không quá 4 tín chỉ.

- Nội dung các học phần Thi tốt nghiệp do Khoa biên soạn. Đề cương học phần Thi tốt nghiệp phải nộp về Ban Đào tạo trước 10/10/2026 để trình Giám đốc phê duyệt.

- Thời gian tổ chức giảng dạy các học phần Thi tốt nghiệp từ ngày 26/10/2026 đến ngày 05/12/2026 theo lịch học trên hệ thống mydtu.

- Thời gian tổ chức thi các học phần Thi tốt nghiệp: 13h00 ngày 12/12/2026

- Thời gian chấm thi: Từ ngày 14/12/2026 đến 16/12/2026

### **1.2. Điều kiện tham gia tốt nghiệp**

#### **1.2.1. Đối với TTTN**

- Đối với sinh viên các khóa cũ và sinh viên chính khóa tốt nghiệp đợt tháng 12/2026: Không bị **điểm F** ở các học phần tiên quyết cho nội dung TTTN. Danh sách các học phần tiên quyết do Khoa xác định và nộp về Ban Đào tạo theo Kế hoạch thực hiện TTTN để làm căn cứ xét điều kiện.

- Đối với sinh viên tốt nghiệp sớm chỉ được tham gia TTTN nếu có tổng số tín chỉ các học phần chưa hoàn thành (bị **điểm F** hoặc **chưa học**) tính đến thời điểm xét TTTN không quá 5% tổng số tín chỉ quá trình học tập.

- Mỗi tín chỉ TTTN có thời gian tối thiểu 2 tuần.

#### **1.2.2. Đối với KLTN/ĐATN/Thi tốt nghiệp**

##### **a. Điều kiện đủ**

Sinh viên đủ điều kiện để được xét tham gia các học phần Thi tốt nghiệp, thực hiện ĐATN hoặc KLTN phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Sinh viên thuộc diện không nợ học phí;

- Không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tất cả các học phần trong chương trình đã hoàn thành;
- Có điểm trung bình tích lũy toàn khóa học từ 2.00 trở lên (theo thang điểm 4).

#### **b. Điều kiện xét vớt**

Sinh viên thuộc diện xét vớt tham gia các học phần Thi tốt nghiệp, thực hiện ĐATN hoặc KLTN phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Sinh viên thuộc diện không nợ học phí;
- Không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có tổng số tín chỉ các học phần chưa hoàn thành (bị **điểm F** hoặc **chưa học**) tính đến thời điểm xét không quá 5% tổng số tín chỉ quá trình học tập;
- Không bị **điểm F** ở các học phần tiên quyết cho nội dung Thi tốt nghiệp hoặc ĐATN hoặc KLTN. Danh sách các học phần tiên quyết do Khoa xác định và nộp về Ban Đào tạo theo Kế hoạch thực hiện KLTN/ĐATN để làm căn cứ xét điều kiện.

### **2. HÌNH THỨC VÀ SỐ TÍN CHỈ TỐT NGHIỆP**

- Thực hiện theo Chương trình đào tạo của từng chuyên ngành.
- Đối với các chuyên ngành mà nội dung tốt nghiệp thuộc cụm tự chọn (hoặc Thi tốt nghiệp hoặc ĐATN/KLTN) thì thực hiện như sau:

+ Sinh viên chỉ được thực hiện ĐATN/KLTN nếu điểm trung bình chung tích lũy quá trình học tập đạt từ 3.2 trở lên (theo thang điểm 4) và không có học phần bị nợ. Đối với các chuyên ngành có số lượng sinh viên đủ điều kiện làm ĐATN/KLTN vượt quá năng lực hướng dẫn của Khoa thì Khoa có thể đề xuất bằng văn bản tiêu chí xét điều kiện làm ĐATN/KLTN ở mức cao hơn, gửi về Ban Đào tạo, Ban Đào tạo có ý kiến đề xuất và trình Giám đốc quyết định;

+ Những chuyên ngành học có số lượng sinh viên ít (dưới 50 sinh viên), lãnh đạo Khoa làm việc với sinh viên để thống nhất tất cả sinh viên đều thực hiện ĐATN/KLTN hoặc Thi tốt nghiệp cho nội dung tốt nghiệp cuối khóa và đề nghị bằng văn bản về Ban Đào tạo, Ban Đào tạo có ý kiến đề xuất và trình Giám đốc quyết định. Văn bản đề nghị gửi về Ban Đào tạo phải kèm theo biên bản làm việc với sinh viên và có đầy đủ chữ ký của lãnh đạo Khoa và chữ ký của đại diện sinh viên.

### **3. KHẢO SÁT NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC**

#### **3.1. Đối tượng khảo sát và thời gian ôn tập**

- Sinh viên trình độ đại học tất cả các chuyên ngành tốt nghiệp chính khóa năm 2026, sinh viên thuộc các khóa trước về trả nợ khảo sát và những sinh viên thuộc diện tốt nghiệp sớm (Sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin thuộc diện không khảo sát Tin học).

- Nhà trường tổ chức ôn tập để sinh viên có đủ kiến thức tham gia khảo sát, thời gian ôn tập từ 09/11/2026 đến 29/11/2026 với thời lượng 15 giờ. *uuu*

- Sinh viên đăng ký trên mydtu để tham gia ôn tập trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đăng ký từ ngày 30/10/2026 đến hết ngày 06/11/2026. Nhà trường chỉ tổ chức ôn tập nếu số lượng đăng ký đủ từ 40 sinh viên trở lên.

- Đề cương khảo sát do các đơn vị chuyên môn biên soạn và nộp về Ban Đào tạo trước ngày 10/10/2026 để trình Giám đốc phê duyệt.

### 3.2. Thời gian khảo sát

- Khảo sát tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật vào **Sáng Thứ Bảy ngày 05/12/2026** do Hội đồng tốt nghiệp phụ trách theo đề cương được Giám đốc phê duyệt.

- Khảo sát Tin học vào **Chiều Thứ Bảy ngày 05/12/2026** do Hội đồng tốt nghiệp phụ trách theo đề cương được Giám đốc phê duyệt.

- Khảo sát tiếng Anh vào **Chủ Nhật ngày 06/12/2026** do Hội đồng tốt nghiệp phụ trách theo đề cương được Giám đốc phê duyệt.

### 3.3. Điều kiện được miễn khảo sát

#### a. Chứng chỉ ngoại ngữ:

Sinh viên được miễn khảo sát Ngoại ngữ để được công nhận tốt nghiệp nếu có một trong các loại **CHỨNG CHỈ** (Còn giá trị đến **ngày 05/12/2026**) được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Việt Nam (Xem bảng tham chiếu).

- Đối với các ngành không chuyên ngữ:

| TT | Chứng chỉ                                        | Ngành/Khối ngành                                                          |         |                                              |                   |
|----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------|-------------------|
|    |                                                  | Công nghệ, Kỹ thuật, Máy tính                                             | Du lịch | Các ngành thuộc PSU, CMU, CSU, PNU, Y, R-H-M | Các ngành còn lại |
| 1  | VSTEP                                            | 4                                                                         | 5       | 5                                            | 4.5               |
| 2  | IELTS                                            | 4.0                                                                       | 5.0     | 5.0                                          | 4.5               |
| 3  | Aptis ESOL                                       | B1                                                                        | B1      | B1                                           | B1                |
| 4  | CEFR                                             | B1                                                                        | B1      | B1                                           | B1                |
| 5  | PTE Academic                                     | 43                                                                        | 55      | 55                                           | 5.                |
| 6  | Cambridge Exam                                   | PET                                                                       | PET     | PET                                          | PET               |
| 7  | TOEFL ITP                                        | 450                                                                       | 480     | 480                                          | 460               |
| 8  | TOEFL iBT                                        | 30                                                                        | 45      | 45                                           | 40                |
| 9  | Linguaskill                                      | 140                                                                       | 150     | 150                                          | 145               |
| 10 | TOEIC                                            | 400                                                                       | 470     | 470                                          | 420               |
| 11 | PEIC                                             | Level 2                                                                   | Level 2 | Level 2                                      | Level 2           |
| 12 | Chứng chỉ tiếng Anh khác được Bộ GD&ĐT công nhận | Tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam |         |                                              |                   |
| 13 | Ngoại ngữ khác                                   | HSK 2; TOPIK 2; N5; TCF: 300; Goethe-Zertifikat B1; TDN 3; ТРКИ-1         |         |                                              |                   |

- Đối với các ngành chuyên ngữ:

| TT | Ngành               | Ngoại ngữ 1 (Có 1 trong các loại chứng chỉ)                                                                                                             | Ngoại ngữ 2 (Có 1 trong các loại chứng chỉ)                           |
|----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ngôn ngữ Anh        | VSTEP: 6.0; Ielts: 5.5; Aptis ESOL: B2; CEFR: B2; PTE Academic: 65; Cambridge Exam: FCE; Toefl ITP: 520; Toefl iBT: 65; Linguaskill: 165; PEIC: Level 3 | Không yêu cầu                                                         |
| 2  | Ngôn ngữ Hàn Quốc   | TOPIK 4                                                                                                                                                 | Trình độ Bậc 3/6 tương đương khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Máy tính |
| 3  | Ngôn ngữ Trung Quốc | HSK 5                                                                                                                                                   |                                                                       |
| 4  | Ngôn ngữ Nhật       | N2                                                                                                                                                      |                                                                       |

**\*Ghi chú:**

- Chỉ chấp nhận chứng chỉ được cấp bởi các đơn vị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam và các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (công bố chính thức trên Website của Cục Quản lý Chất lượng).

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ Aptis ESOL International Certificate cấp sau ngày 09/05/2024 theo Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ Pearson Test of English Academic (PTE Academic) cấp sau ngày 09/05/2024 theo Quyết định số 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ tiếng Anh Pearson English International Certificate (PEIC) cấp sau ngày 09/05/2024 theo Quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 5/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không chấp nhận Chứng chỉ TOEFL IBT phiên bản Home Edition cấp sau ngày 09/09/2022 theo Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**b. Chứng chỉ Tin học:**

- Sinh viên được miễn khảo sát Tin học nếu có một trong các chứng chỉ sau:

+ Chứng chỉ do Trường Đại học Duy Tân (nay là Đại học Duy Tân) cấp gồm: chứng chỉ Kỹ thuật viên tin học, Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

+ Chứng chỉ MOS (Ít nhất đạt 3 kỹ năng: Word, Excel, Powerpoint); Chứng nhận IP, AP, FE do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp. Tất cả chứng chỉ phải còn giá trị đến ngày 05/12/2026.

#### **c. Văn bằng**

- Sinh viên được miễn khảo sát tiếng Anh nếu có bằng Cử nhân Ngoại ngữ.
- Sinh viên được miễn khảo sát Tin học nếu có bằng từ Trung cấp Tin học trở lên.

#### **d. Kết quả khảo sát tại Trường**

- Sinh viên được miễn khảo sát Ngoại ngữ nếu đã có kết quả khảo sát đạt tại Trường sau ngày 06/12/2024.
- Sinh viên được miễn khảo sát Tin học nếu đã có kết quả khảo sát đạt tại Trường sau ngày 05/12/2024.
- **Tất cả các trường hợp đạt khảo sát trước thời gian trên đều không còn giá trị để xét đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học.**

### **4. XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG**

- Hội đồng tốt nghiệp ngày 29/12/2026.
  - Phát bằng tốt nghiệp (dự kiến): ngày 08/01/2026.
- Sinh viên đủ các điều kiện sau đây thuộc diện xét công nhận tốt nghiệp:
- Cho đến thời điểm xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
  - Sinh viên đã hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo;
  - Sinh viên đạt điểm trung bình của Hội đồng chấm ĐATN/KLTN từ 5.5 điểm trở lên;
  - Sinh viên đạt điểm tổng kết từ 5.5 điểm trở lên đối với các nội dung tốt nghiệp cuối khóa gồm: TTTN, ĐATN, KLTN và các học phần Thi tốt nghiệp;
  - Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
  - Có Chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và đã hoàn thành các học phần giáo dục thể chất theo quy định;
  - Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định.
  - Có điểm đánh giá rèn luyện toàn khóa đạt từ Trung bình trở lên

### **5. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG**

- Sinh viên thiếu chứng chỉ GDQP-AN, chưa hoàn thành các học phần GDTC hoặc chưa đạt yêu cầu qua kỳ khảo sát đầu ra Tin học và Ngoại ngữ (đối với trình độ đại học) vẫn được bảo vệ ĐATN/KLTN, học và thi các học phần Thi tốt nghiệp.
- Đối với sinh viên tốt nghiệp trước hạn (tốt nghiệp sớm) hoặc sinh viên chưa hoàn thành các nội dung tốt nghiệp (tốt nghiệp muộn hoặc nợ tốt nghiệp) phải có Đơn xét tham dự tốt nghiệp (theo mẫu) nộp về khoa trước ngày 08/9/2026 để khoa tổng hợp chuyển về Ban Đào tạo trước ngày 10/9/2026.

- Sinh viên phải nộp đầy đủ học phí còn nợ (nếu có), lệ phí bảo vệ ĐATN/KLTN và bổ sung hồ sơ sinh viên theo yêu cầu của Phòng Công tác sinh viên mới được tham dự bảo vệ ĐATN/KLTN và xét công nhận tốt nghiệp.

- **Trong tuần đầu tiên**, sau khi giao ĐATN hoặc KLTN hoặc TTTN cho sinh viên, các khoa phải gửi về Ban Đào tạo danh sách Giảng viên hướng dẫn, Sinh viên thực hiện, đơn vị thực tập (đối với các đề tài bắt buộc có đơn vị thực tập) và tên đề tài để Ban Đào tạo trình Giám đốc ban hành quyết định và công khai thông tin trên mạng theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời các Khoa phải nộp đầy đủ Kế hoạch TTTN/ĐATN/KLTN về Ban Đào tạo để phê duyệt và lưu trữ.

- Đối với chứng chỉ GDQP-AN và Chứng chỉ GDTC (nếu có) của sinh viên tốt nghiệp trong đợt này sẽ do Ban Đào tạo phối hợp với Trung tâm GDTC&QP kiểm tra, các Khoa không yêu cầu những sinh viên này phải nộp về Khoa. *lưu*

Nơi nhận:

- BGĐ;
- Ban Đào tạo;
- Các Trường đào tạo;
- Các Khoa/Viện;
- Ban KH-TC;
- Ban CTSV;
- Phòng Thanh tra;
- Ban Tổ chức-Nhân sự;
- Văn phòng ĐH (lưu). *1*



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TS. Nguyễn Phi Sơn**

